TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/DS-PT
Ngày: 13-02-2020
V/v Tranh chấp ranh giới giữa các bất động sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Phương.

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước.

Ông Ngô Tấn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Bạch Nga – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 15/01/2020 và ngày 13/02/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 427/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2019, về *"Tranh chấp ranh giới giữa các bất động sản*" .

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2019/DS-ST ngày 17/9/2019 của Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 494/2019/QĐ-PT, ngày 30 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Văn L, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Hòa Đ, xã Vĩnh T, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bùi Thị C, sinh năm 1938 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Hòa Đ, xã Vĩnh T, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Huỳnh Mỹ P, sinh năm 1970;

3.2 Lê Thị Kiều L1, sinh năm 1997;

3.3 Lê Thị Ngọc N, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: ấp Hòa Đ, xã Vĩnh T, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Huỳnh Mỹ P, Lê Thị Kiều L1, Lê Thị Ngọc N là Lê Văn L, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp Hòa Đ, xã Vĩnh T, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 28/4/2017).

3.4 Phạm Văn S, sinh năm 1994;

3.5 Huỳnh Thị H, sinh năm 1995;

3.6 Phạm Văn Đ, sinh năm: 1988;

3.7 Trà Thị H1, sinh năm: 1966;

3.8 Trà Thanh V, sinh năm 1994;

3.9 Trà Hồng H2, sinh năm 1981 (có mặt);

3.10 Trà Sơn X, sinh năm 1987.

Người đại diện theo ủy quyền của Trà Sơn X, Phạm Văn S, Huỳnh Thị H, Phạm Văn Đ, Trà Thị H1, Trà Thanh V là Bùi Thị C, sinh năm 1938; địa chỉ: ấp Hòa Đ, xã Vĩnh T, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 09/01/2019).

3.11 Trà Văn Bé T, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Hòa Đ, xã Vĩnh T, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

3.12 Trà Thị K, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp Hòa Đ, xã Vĩnh T, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

3.13 Trà Thị Bé H3, sinh năm 1964;

3.14 Phạm Văn M, sinh năm 1966;

3.15 Phạm Văn N, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Hòa Đ, xã Vĩnh T, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Trà Thị Bé H3, Phạm Văn M, Trà Thị K, Trà Văn Bé T là Bùi Thị C, sinh năm 1938; địa chỉ: ấp Hòa Đ, xã Vĩnh T, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 09/7/2019).

3.16 Ủy ban nhân dân huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện Lai V là ông Nguyễn Hữu N - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Quốc lộ 80, Khóm 1, thị trấn Lai V, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

3.17 Ngân hàng thương mại cổ phần X (vắng mặt).

Địa chỉ: Hùng V, Khóm 1, Phường 2, thành phố Sa Đ, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Bùi Thị C là bị đơn trong vụ án.

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Lê Văn L trình bày:

Thửa 32, tờ bản đồ số 92 do anh Lê Văn L đứng tên quyền sử dụng đất giáp ranh với thửa 28, tờ bản đồ số 92 do hộ bà Bùi Thị C đứng tên người sử dụng đất, địa chỉ các thửa đất tại: ấp Hòa Đ, xã Vĩnh T, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp. Từ khi cha Lê Văn L còn sống có trồng cây vào thời điểm nào Lê Văn L không nhớ, chỉ nhớ hơn 30 năm đúng như Hội đồng định giá xác định 02 cây bạch đàn hoành 1,5 m và 0,6 m; cây gáo hoành 1,05 m; cây gòn hoành 1,35 m trên phần đất tranh chấp 65,90 m^2 và đứng tên chủ quyền sử dụng đất cho đến Lê Văn L đứng tên chủ quyền sử dụng đất, cha Lê Văn L và Lê Văn L vẫn sử dụng phần đất đang tranh chấp và sở hữu các cây trồng lâu năm trên phần đất tranh chấp 65,90 m^2 bằng cách quản lý, mé nhánh sử dụng có người mà Lê Văn L thuê mé nhánh để làm chứng cho Lê Văn L, nhưng cuối năm 2016 bà Bùi Thị C làm hàng rào lưới B40 lấn qua phần đất của Lê Văn L chiếm 02 cây bạch đàn, cây gáo, cây gòn và bà Bùi Thị C trồng thêm 02 cây mít, 02 dừa thời gian trồng 02 loại cây này là 02 năm tuổi, nên Lê Văn L gửi đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Vĩnh T giải quyết, nhưng không thành, Lê Văn L tiếp tục nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu hộ bà Bùi Thị C, Trà Hồng H2, Trà Sơn X, Phạm Văn S, Huỳnh Thị H, Phạm Văn Đ, Trà Thị H1, Trà Thanh V, Trà Thị K, Trà Thị Bé H3, Phạm Văn M, Phạm Văn N tháo dỡ, di dời hàng rào lưới B40, trụ đá, 2 cây mít và 2 cây dừa để trả lại cho hộ anh Lê Văn L, Huỳnh Thị Mỹ P, Lê Thị Kiều L1, Lê Thị Ngọc N được quyền sở hữu 2 cây bạch đàng, cây gáo, cây gòn trên 65,90 m^2 đất và được quyền sử dụng 65,90 m^2 đất trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4 về M1 thuộc một phần thửa 32, tờ bản đồ số 92, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn do ông Lê Văn L đứng tên người sử dụng đất. Địa chỉ

thửa đất tại: ấp Hòa Đ, xã Vĩnh T, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp. Lê Văn L không có yêu cầu gì đối với Ngân hàng thương mại cổ phần X.

Bị đơn Bùi Thị C trình bày:

Hộ bà Bùi Thị C không có lấn ranh chiếm đất của ông Lê Văn L, hai cây bạch đàn, cây gòn là do Bùi Thị C trồng 19 năm nay, cây gáo tự mộc 36 năm đúng như Hội đồng định giá xác định 02 cây bạch đàn hoành 1,5 m và 0,6 m; cây gòn hoành 1,35 m; còn gáo hoành 1,05 m tự mộc trên phần đất tranh chấp 65,90 m^2 là của Bùi Thị C, nhưng ông Lê Văn L chiếm quản lý, mé nhánh sử dụng, nên cuối năm 2016 Bùi Thị C làm hàng rào lưới B40 tạm thời để bảo vệ cây trồng của Bùi Thị C và Bùi Thị C trồng thêm 02 cây mít, 02 dừa thời gian trồng 02 loại cây này là 02 năm tuổi, chứ thực tế hàng rào lưới B40 không phải là ranh đất, mà ranh đất đúng như Bùi Thị C đã xác định ranh để cho cán bộ đo đạc, đo vẽ trong sơ đồ Mảnh trích đo địa chính số: 82 - 2017, đo vẽ ngày 05/7/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp đầu ngoài giáp đường đá từ hàng rào lưới B40 đo qua đất anh Lê Văn L đến mốc M1 là 0,5m, tương tự đầu trong từ hàng rào lưới B40 đo qua đất anh Lê Văn L đến mốc M2 là 0,5 m, nối liền hai mốc M1 và M2 đó mới chính xác là ranh đất giữa đất của hộ Bùi Thị C với đất của anh Lê Văn L mà Bùi Thị C đã xác định trong sơ đồ, nhưng hộ bà Bùi Thị C không có tài liệu, chứng cứ, người làm chứng để chứng minh. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, thì hộ bà Bùi Thị C tự nguyện có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời hàng rào lưới B40, 02 cây mít, 02 dừa trả phần đất tranh chấp 65,90 m^2 lại cho anh Lê Văn L. Hộ bà Bùi Thị C không yêu cầu anh Lê Văn L bồi thường hàng rào lưới B40, cây trồng cho hộ bà Bùi Thị C.

Theo hồ sơ án sơ thẩm Ủy ban nhân dân huyện Lai V có văn bản ý kiến trình bày:

"…Thửa 32, tờ bản đồ số 92 cấp 03 lần: Lần đầu cấp cho ông Lê Văn C năm 1994, lần 02 ông C cấp đổi sang bản đồ địa chính chính quy năm 2009; lần 03 ông C thừa kế cho hộ anh Lê Văn L năm 2015; Thửa 28, tờ bản đồ số 92 cấp 2 lần, cấp lần đầu cho bà Bùi Thị C năm 1994, lần 2 cấp đổi năm 2013. Thửa 32, 28 tờ bản đồ địa chính số 92 là cấp đại diện hộ, các lần cấp đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo luật định…."

(*kèm theo hồ sơ đăng ký mới tên Lê Văn C và Bùi Thị C năm 1994 hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang bản đồ địa chính chính quy của ông Lê Văn C và bà Bùi Thị C; hồ sơ thừa kế từ ông Lê Văn C cho anh Lê Văn L*).

Bản án sơ thẩm số 74/2019/DS-ST ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lai V, Đồng Tháp tuyên xử:

1. Buộc Bùi Thị C, Trà Hồng H2, Trà Sơn X, Phạm Văn S, Huỳnh Thị H, Phạm Văn Đ, Trà Thị H1, Trà Thanh V di dời 02 (hai) cây mít, 02 (hai) dừa để trả lại cho Lê Văn L được quyền sở hữu 02 (hai) cây Bạch đàn, cây Gáo, cây Gòn và được quyền sử dụng 65,9 m^2 (sáu mươi lăm phết chín mét vuông) đất (trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4 về M1) theo Sơ đồ Mảnh trích đo địa chính số: 82 - 2017, đo vẽ ngày 05/7/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp) thuộc một phần thửa 32, tờ bản đồ số 92, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn do ông Lê Văn L đứng tên người sử dụng đất, địa chỉ thửa đất tại: ấp Hòa Đ, xã Vĩnh T, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ranh giới giữa thửa 32 do ông Lê Văn L đứng tên người sử dụng đất với thửa 28 do hộ bà Bùi Thị C đứng tên người sử dụng đất, cùng tờ bản đồ số 92, cùng mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, địa chỉ hai thửa đất tại: ấp Hòa Đ, xã Vĩnh T, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp là đường nối liền từ mốc M3 đến M4 trong Sơ đồ Mảnh trích đo địa chính số: 82 - 2017, đo vẽ ngày 05/7/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

3. Ranh giới đã được xác định như trên, thì người được quyền sử dụng đất được quyền sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác, nếu cây trồng hoặc vật kiến trúc của người này nằm trên phần đất của người kia thì phải tháo dở, di dời.

4. Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự được quyền đến các cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký, điều chỉnh quyền sử dụng đất theo quy định, có Sơ đồ Mảnh trích đo địa chính số: 82 - 2017, đo vẽ ngày 05/7/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp và Biên bản V/v xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp lập ngày 05/9/2017 kèm theo bản án này.

5. Án phí, tạm ứng án phí và chi phí, tạm ứng chi phí:

5.1. Bùi Thị C, Trà Hồng H2, Trà Sơn X, Phạm Văn S, Huỳnh Thị H, Phạm Văn Đ, Trà Thị H1, Trà Thanh V phải liên đới chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Hoàn trả lại cho Lê Văn L 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo hai biên lai số: 15218, ngày 23/6/2017 và số: 0001192, ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

5.3. Buộc Bùi Thị C, Trà Hồng H2, Trà Sơn X, Phạm Văn S, Huỳnh Thị H, Phạm Văn Đ, Trà Thị H1, Trà Thanh V liên đới hoàn trả cho Lê Văn L 5.125.000 đồng (năm triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Bùi Thị C kháng cáo và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai V có quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 30/QĐKNPT-VKS-DS ngày 27/9/2019.

- Bà C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu gia đình bà C trả phần đất lấn chiếm diện tích 65.9m^2 và các cây trồng có trên đất tranh chấp (02 cây bạch đàn, cây gáo, gòn).

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai V đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử theo hướng sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2019/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp về phần án phí buộc hộ bà C nộp 928.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Bùi Thị C giữ nguyên nội dung kháng cáo, hộ bà C không đồng ý trả phần đất lấn chiếm diện tích 65.9m^2 và các cây trồng có trên đất tranh chấp (02 cây bạch đàn, cây gáo, gòn) cho anh L.

Nguyên đơn anh Lê Văn L giữ nguyên nội dung khởi kiện, không đồng ý với nội dung kháng cáo của bà C, yêu cầu Tòa phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trà Hồng H2 và Trà Văn Bé T thống nhất với ý kiến của bà Bùi Thị C.

Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị đề nghị Hội dồng xét xử sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về phần án phí buộc hộ bà C nộp 928.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đã phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật; về nội dung Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai V về

phần án phí, không chấp nhận kháng cáo của bà C, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ranh giới đất tranh chấp được xác định là giữa thửa đất số 32 của anh L giáp với thửa đất số 28 của bà C, theo kết quả thẩm định phần tranh chấp có kích thước ngang trước 0,96m, ngang sau 2,03m, dài 45,13m, diện tích bằng 65,9m^2; trên đất tranh chấp có hàng rào lưới B40, 02 cây mít, 02 cây dừa của bà C; 02 cây bạch đàn, 01 cây gáo và 01 cây gòn của anh L, phạm vi đất này đang do bà C quản lý sử dụng từ cuối năm 2016 đến nay.

[2]. Nguồn gốc đất của anh L là chuyển nhận thừa kế từ cha Lê Văn C; đất bà C tự có. Cả 02 thửa đất của 02 bên đều đã được đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) cùng thời điểm năm 1994, được cấp đổi theo bản đồ địa chính chính quy, anh L lập thủ tục chuyển quyền nhận thừa kế năm 2015, tất cả thủ tục của 02 thửa đất này của 02 bên đều được xác lập đầy đủ, có biên bản xác định ranh giới, mốc giới cụ thể, cả 02 bên đều có ký tên xác định với nhau. Từ cuối năm 2016 bà C tự ý làm hàng rào bao chiếm qua khỏi ranh giới đã xác định trước đó, trong phần lấn chiếm có nhiều cây lâu năm hàng chục năm tuổi của ông C là cha anh L trồng để lại, hiện tại anh L vẫn đang sở hữu, hàng năm mé nhánh làm củi (bà C thừa nhận) và sau khi chiếm bà C trồng thêm cây mới là mít, dừa.

[3]. Đối chiếu hiện trạng sử dụng theo kết quả thẩm định với hồ sơ cấp giấy cho thấy:

+ Chiều ngang trước giáp đường đá thửa đất số 32 của anh L cấp giấy 18,81m, đo thực tế 16,46m cộng thêm phần tranh chấp 0,96m, thì vẫn còn thiếu 1,39m; thửa 28 của bà C thì cấp giấy 21,78m, đo thực tế 21.33m cộng thêm 0,96m là thừa 0,51m.

+ Chiều ngang sau, thửa 32 của anh L cấp giấy 20,49m, đo thực tế 17,26m cộng phần tranh chấp 2,03m, thì vẫn còn thiếu 1,2m; thửa 28 của bà C cấp giấy 21,35m, đo thực tế 21,34m cộng phần tranh chấp 2,03m là thừa đến 2,02m và về diện tích nếu cộng luôn tranh chấp 65,9m^2 thì đất anh L thiếu 86,1m^2; đất bà C thừa 58,4m^2.

[4]. Từ những tình tiết trên cho thấy, bà C thật sự có lấn chiếm ranh giới đất của anh L. Anh L yêu cầu hộ bà C tháo dở hàng rào, di dời cây trồng trả đất lấn chiếm cho anh L và xác định ranh giới theo các mốc từ M3 thẳng đến M4 theo sơ đồ thẩm định là có căn cứ; bà C kháng cáo không đồng ý theo quyết định

của bản án sơ thẩm, nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, nên không có cơ sở chấp nhận.

[5]. Riêng phần kháng nghị của Viện kiểm sát huyện Lai V thì thấy rằng: Việc giải quyết 65,9m^2 đất là phần nội dung gắn liền đi kèm với quan hệ tranh chấp là ranh giới QSDĐ, khi quyết định xác lập ranh giới là đương nhiên giải quyết luôn nội dung này; quyền sử dụng đất không phải là một quan hệ tranh chấp độc lập, vì vậy, không buộc phải tính án phí có giá ngạch như Viện kiểm sát kháng nghị. Đối với phần cây trồng gồm 02 cây bạch đàn, 01 cây gáo, 01 cây gòn các bên tranh chấp sở hữu và Tòa án quyết định giao sở hữu cho anh L, nên bà C là người không được chấp nhận yêu cầu, bà C phải chịu án phí theo loại có giá ngạch trên tổng giá trị cây trồng 1.350.000 đồng bằng 300.000 đồng, cho nên phần này Viện kiểm sát kháng nghị là có căn cứ chấp nhận.

[6]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà C là có căn cứ nên được chấp nhận và đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai V= là có căn cứ một phần nên được chấp nhận một phần kháng nghị.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của bà C không được chấp nhận, nên Tòa sơ thẩm buộc bà C chịu là đúng, nhưng không buộc án phí phần tranh chấp sở hữu cây là thiếu sót, phải sửa phần án phí này theo như Viện kiểm sát kháng nghị, đồng thời các chi phí tố tụng về đo đạc thẩm định, định giá buộc bà C chịu và nộp trả anh L là đúng pháp luật và do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà C phải chịu án phí phúc thẩm, tuy nhiên do bà C là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên bà C được chấp nhận miễn nộp tiền án phí sơ thẩm, phúc thẩm dân sự theo quy định pháp luật.

[8]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 166, Điều 175 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 5, khoản 7 Điều 166 của Luật đất đai 2013 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Bùi Thị C về phần án phí, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai

V; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2019/DS-ST ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lai V, Đồng Tháp.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn L đối với hộ bà Bùi Thị C. Ranh giới giữa thửa số 32 của anh Lê Văn L đứng tên người sử dụng đất với thửa 28 của hộ bà Bùi Thị C đứng tên người sử dụng đất, cùng tờ bản đồ số 92, cùng mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, địa chỉ hai thửa đất tại: ấp Hòa Đ, xã Vĩnh T, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp được xác định là đường thẳng nối liền từ mốc M3 đến M4 theo Sơ đồ Mảnh trích đo địa chính số: 82 - 2017, đo vẽ ngày 05/7/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp. Ranh giới này các bên đương sự phải tôn trọng sử dụng đúng đường ranh theo chiều thẳng đứng từ mặt đất đã được xác định lên không gian và xuống lòng đất theo quy định pháp luật.

3. Buộc hộ bà Bùi Thị C gồm: Bùi Thị C, Trà Hồng H2, Trà Sơn X, Phạm Văn S, Huỳnh Thị H, Phạm Văn Đ, Trà Thị H1, Trà Thanh V cùng liên đới nghĩa vụ di dời hàng rào lưới B40, 02 (hai) cây mít, 02 (hai) dừa ra khỏi vị trí đất của anh L theo ranh giới đã xác định nêu trên.

4. Anh Lê Văn L được quyền sở hữu 02 cây bạch đàn, 01 cây gòn, 01 cây gáo thuộc trên phạm vi bên đất anh L theo ranh giới đã xác định trên (các cây này được ghi trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/9/2017).

5. Các bên đương sự được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký, điều chỉnh quyền sử dụng đất theo quy định (có Sơ đồ Mảnh trích đo địa chính số: 82 - 2017, đo vẽ ngày 05/7/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp và Biên bản V/v xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp lập ngày 05/9/2017 kèm theo bản án này).

5. Về án phí:

+ Bà Bùi Thị C được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

+ Anh Lê Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) theo các biên lai số thu số 15218, ngày 23/6/2017 và biên lai thu số 0001192, ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

5. Về chi phí tố tụng: Bà Bùi Thị C, Trà Hồng H2, Trà Sơn X, Phạm Văn S, Huỳnh Thị H, Phạm Văn Đ, Trà Thị H1, Trà Thanh V cùng có nghĩa vụ liên

đới nộp số tiền 5.125.000 đồng (năm triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) để hoàn trả số tiền này cho anh Lê Văn L.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện Lai V;
- CCTHADS huyện Lai V;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Phương